BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **101**/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 4333
Ngày: 03/12/18
Chuyển: P. KTTH (tv)

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử ở lại miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 (sau đây viết tắt là Nghị định số 23/1999/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây viết tắt là Nghị định số 31/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975 (sau đây viết tắt là Nghị định số 112/2017/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (sau đây viết tắt là Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg) và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng

chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội,đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết tắt là Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg) và Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (sau đây viết tắt là Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết tắt là Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (sau đây viết tắt là Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây viết tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a (sau đây viết tắt là Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg) và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào, người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a (sau đây gọi chung là người trực tiếp tham gia kháng chiến) do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý từ nguồn ngân sách trung ương đảm bảo, bố trí trong dự

toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH).

2. Thông tư này không áp dụng đối với kinh phí thực hiện các khoản chi do ngân sách địa phương đảm bảo hoặc ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương:

a) Kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP;

b) Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến thuộc đối tượng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg; thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến thuộc đối tượng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP;

c) Kinh phí chi trả trợ cấp một lần theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Chi tổ chức lễ tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", tổ chức lễ tang khi Bà mẹ Việt Nam anh hùng từ trần theo Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng";

đ) Kinh phí thực hiện chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí đối với các đối tượng theo quy định tại các Quyết định: số 290/2005/QĐ-TTg, số 188/2007/QĐ-TTg, số 142/2008/QĐ-TTg, số 38/2010/QĐ-TTg, số 53/2010/QĐ-TTg, số 62/2011/QĐ-TTg, số 40/2011/QĐ-TTg, số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh và Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP;

e) Chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành LĐTBXH quản lý.

Điều 3. Quản lý và sử dụng kinh phí

Kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Thông tư này do ngân sách trung ương đảm bảo bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ LĐTBXH và được thực hiện như sau:

1. Bộ LĐTBXH ủy quyền cho cơ quan LĐTBXH địa phương thực hiện nhiệm vụ chi.

2. Sở LĐTBXH, Phòng LĐTBXH và các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng mở tài khoản dự toán tại Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là KBNN) và thực hiện rút dự toán theo quy định.

3. Việc quản lý, sử dụng, hạch toán kế toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn và quy định cụ thể tại Thông tư này.

Chương II
CHI THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA KHÁNG CHIẾN

Điều 4. Chi chế độ trợ cấp, phụ cấp

1. Chi chế độ trợ cấp hàng tháng, phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 16 tháng 7 năm 2012.

2. Chi chế độ trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành LĐTBXH quản lý, gồm:

a) Trợ cấp hàng tháng đối với:

- Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg;

- Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg;

b) Trợ cấp hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

c) Trợ cấp một lần đối với:

- Quân nhân, cán bộ đi chiến trường B, C, K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử lại miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 theo Nghị định số 23/1999/NĐ-CP;

- Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg;

- Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg; thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP;

- Người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg;

d) Trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần đối với các đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chi đóng bảo hiểm y tế

1. Đóng bảo hiểm y tế đối với những người đang hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này (trừ những người đồng thời đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng); đối tượng không hưởng trợ cấp hàng tháng được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg.

2. Hằng quý, cơ quan LĐTBXH căn cứ danh sách đối tượng đóng bảo hiểm y tế đã được rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, đối chiếu với cơ quan bảo hiểm xã hội làm thủ tục rút dự toán kinh phí tại KBNN để chuyển kinh phí vào quỹ bảo hiểm y tế.

3. Số tiền đóng, phương thức đóng bảo hiểm y tế hằng quý thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Điều 6. Chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khoẻ

1. Điều dưỡng tại nhà

a) Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 53 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP;

b) Phương thức: chi trực tiếp cho đối tượng được hưởng.

2. Điều dưỡng tập trung

a) Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 53 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP, bao gồm:

- Tiền ăn trong thời gian điều dưỡng, gồm: ăn sáng, ăn 2 bữa chính (trưa và chiều) và ăn bồi dưỡng thêm (nếu có);
- Thuốc bổ và thuốc chữa bệnh thông thường;
- Quà tặng cho đối tượng (bằng tiền hoặc hiện vật);
- Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho đối tượng trong thời gian điều dưỡng (gồm: khăn mặt, xà phòng, bàn chải, thuốc đánh răng, tham quan, chụp ảnh, tư vấn sức khỏe, phục hồi chức năng và các khoản chi khác phục vụ đối tượng điều dưỡng) không quá 15% mức chi điều dưỡng tập trung;

b) Các khoản chi phí về điện, nước sinh hoạt hoặc mua xăng dầu chạy máy phát điện, lọc nước (đối với các cơ sở chưa có hệ thống điện lưới và nước sạch), vệ sinh môi trường, sửa chữa điện, nước, thuê dịch vụ phục vụ công tác điều dưỡng được thanh toán theo số lượng đối tượng được điều dưỡng thực tế, định mức tối đa 320.000 đồng/người/lần;

c) Chi sách báo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ đối tượng trong thời gian điều dưỡng tại cơ sở là 100.000 đồng/người/đợt điều dưỡng;

d) Phương thức

- Căn cứ quy mô điều dưỡng của cơ sở điều dưỡng trực thuộc, số lượng đối tượng điều dưỡng tập trung, mức chi quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Sở LĐTBXH giao nhiệm vụ điều dưỡng tập trung, phân bổ và giao dự toán cho các cơ sở điều dưỡng trực thuộc để thực hiện đối với kinh phí điều dưỡng tập trung tại địa phương;

- Đối với số lượng đối tượng điều dưỡng tập trung tại địa phương khác hoặc điều dưỡng tập trung tại địa phương nhưng do cơ sở điều dưỡng ngoài công lập hoặc cơ sở điều dưỡng thuộc ngành khác thực hiện, cơ quan LĐTBXH thực hiện rút dự toán để thanh toán theo hợp đồng cho các cơ sở điều dưỡng theo số lượng đối tượng điều dưỡng từng đợt theo mức chi quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

- Đối với trường hợp đối tượng không tiếp tục thực hiện điều dưỡng tập trung vì lý do khách quan thì cơ quan LĐTBXH thanh quyết toán cho cơ sở điều dưỡng tiền ăn, các khoản chi phí tại các điểm b và c khoản này theo số ngày thực tế đối tượng điều dưỡng tại cơ sở điều dưỡng; các khoản chi tiền thuốc, quà tặng (như đối tượng đi cả đợt) và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho đối tượng trong thời gian điều dưỡng tại cơ sở. Trường hợp đối tượng đã điều dưỡng dưới 30% thời gian một đợt điều dưỡng thì Giám đốc Sở LĐTBXH xem xét, quyết định hoặc phân cấp Phòng LĐTBXH quyết định đối tượng đi điều dưỡng vào đợt kế tiếp.

3. Các khoản chi phí đưa đón người có công với cách mạng đi điều dưỡng tập trung, chi phí ăn, ở (nếu có) phát sinh trong thời gian đi đường (đi và về) của người có công với cách mạng đi điều dưỡng tập trung do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức chi chế độ điều dưỡng cao hơn mức quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này và hỗ trợ phần chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 7. Chi cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình

1. Nguyên tắc cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình

a) Cấp tiền để đối tượng mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn sử dụng theo quy định;

b) Mức tiền cấp mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình (bao gồm cả tiền mua vật phẩm phụ, bảo trì phương tiện) theo phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Việc cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình (bao gồm cả tiền mua vật phẩm phụ, bảo trì phương tiện) được thực hiện một lần vào đầu niên hạn sử dụng.

2. Chế độ hỗ trợ khi đi làm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, điều trị phục hồi chức năng

a) Đối tượng được hưởng chế độ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình khi đi làm dụng cụ chỉnh hình, phương tiện trợ giúp được hỗ trợ một lần tiền ăn và tiền tàu xe (bao gồm cả lượt đi và về), mỗi niên hạn 01 lần. Mức hỗ trợ theo đơn giá 5.000 đồng/km nhân với khoảng cách từ nơi cư trú đến cơ sở y tế gần nhất đủ điều kiện về chuyên môn kỹ thuật cung cấp dụng cụ chỉnh hình, nhưng tối đa không quá 1.400.000 đồng/người;

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là thương binh khi đi làm chân giả được hỗ trợ một lần tiền ăn và tiền tàu xe. Khoảng cách từ nhà Ông Nguyễn Văn A đến Trung tâm Chỉnh hình Phục hồi chức năng gần nhất là 175 km. Ông Nguyễn Văn A được hỗ trợ một lần tiền ăn và tiền tàu xe cho cả lượt đi và về là: 5.000 đồng x 175 km = 875.000 đồng;

b) Đối tượng được hưởng chế độ phục hồi chức năng khi đi điều trị phục hồi chức năng theo chỉ định của bệnh viện cấp tỉnh trở lên được hỗ trợ một lần tiền ăn và tiền tàu xe (theo khoảng cách từ nơi cư trú đến cơ sở phục hồi chức năng gần nhất đủ điều kiện về chuyên môn kỹ thuật): Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Đối tượng, quy trình, thủ tục lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình thực hiện theo quy định của Bộ LĐTBXH.

Điều 8. Chi thanh toán chí phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa

1. Đối tượng được thanh toán là các trường hợp có hồ sơ đủ điều kiện được giám định theo quy định và được Sở LĐTBXH giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để yêu cầu giám định, gồm:

a) Giám định lần đầu làm căn cứ xem xét, công nhận hưởng chế độ ưu đãi;

b) Giám định lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động (kể cả trường hợp phải chuyển hồ sơ đến Hội đồng giám định y khoa cấp Trung ương khám giám định phúc quyết, Hội đồng giám định y khoa do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập khám giám định phúc quyết lần cuối).

2. Số tiền thanh toán căn cứ vào nội dung yêu cầu giám định và mức phí giám định theo quy định tại Biểu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa ban hành kèm theo Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.

3. Trường hợp đã được giám định y khoa nhưng không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp trung ương, có đơn đề nghị được giám định lại và được Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp trung ương chuyển hồ sơ, giới thiệu lên Hội đồng giám định y khoa cấp cao hơn: Căn cứ kết quả khám giám định phúc quyết hoặc khám giám định phúc quyết lần cuối, nếu kết quả khám giám định đúng như đề nghị của đối tượng thì chi phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa do Sở LĐTBXH thanh toán; nếu kết quả khám giám định không đúng như đề nghị của đối tượng thì chi phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa do đối tượng đề nghị tự chi trả.

Điều 9. Chi chế độ ưu đãi khác

1. Các khoản chi trực tiếp cho người thụ hưởng, bao gồm:

a) Cấp tiền mua báo Nhân dân cho người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

b) Quà tặng của Chủ tịch nước;

c) Hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, tết đối với thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B bị suy giảm khả năng lao động do thương tích, thương tật (tổn thương cơ thể), bệnh tật từ 81% trở lên: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày; số ngày được hỗ trợ theo số ngày lễ, tết được cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Trợ cấp ưu đãi trong giáo dục, đào tạo theo quy định của Chính phủ. Thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng được cấp đủ 12 tháng cho một năm học. Đối với thời gian học năm cuối không đủ 12 tháng được trợ cấp theo số tháng thực học của năm học đó. Trường hợp học theo mô-đun, tín chỉ thì thời gian hưởng trợ cấp theo thời gian đào tạo quy đổi nhưng không vượt quá thời gian đào tạo của ngành, nghề học và trình độ đào tạo tương đương đối với chương trình đào tạo theo niên chế;

đ) Trợ cấp mai táng;

đ) Trợ cấp một lần khi báo tử liệt sĩ;

e) Trợ cấp thờ cúng đối với liệt sĩ không còn thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng.

2. Các khoản chi giao cho cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thuộc ngành LĐTBXH thực hiện, bao gồm:

a) Khám bệnh, chữa bệnh thông thường tại cơ sở; thuốc đặc trị và các điều trị đặc biệt khác không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế cho đối tượng người có công với cách mạng đang được nuôi dưỡng tại cơ sở của ngành LĐTBXH. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

b) Hỗ trợ tiền ăn và tiền tàu xe cho người có công với cách mạng đang được nuôi dưỡng tại cơ sở khi đi khám bệnh, chữa bệnh, giám định thương tật, về thăm gia đình: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này;

c) Chi đón tiếp thân nhân của người có công với cách mạng (không quá 3 người, một năm không quá 02 lần) đến thăm người có công với cách mạng đang nuôi dưỡng tại cơ sở: Mức chi thực hiện theo mức chi tiếp khách trong nước quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

3. Các khoản chi giao cho cơ quan được giao chủ trì thực hiện, bao gồm:

a) Chi phí báo tử liệt sĩ;

b) Chi thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Nội

dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 148/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về nội dung và mức chi thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin;

c) Chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chi hỗ trợ hoạt động của cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở đón tiếp người có công với cách mạng và thân nhân do ngành LĐTBXH quản lý

1. Ngoài các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở đón tiếp người có công với cách mạng và thân nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) được hỗ trợ để chi các khoản phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp, bao gồm:

a) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhà cửa, hạ tầng phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp tại cơ sở;

b) Mua sắm, sửa chữa đồ dùng, trang thiết bị, phương tiện làm việc, dụng cụ, công cụ cần thiết phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp tại cơ sở;

c) Chi thuê mướn nhân công, dịch vụ, vật tư văn phòng, thông tin, liên lạc, tuyên truyền và các khoản chi khác phục vụ đối tượng nuôi dưỡng, điều dưỡng tại cơ sở;

d) Chi sách báo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ người có công với cách mạng đang được nuôi dưỡng tại cơ sở.

2. Mức chi

a) Các nội dung chi quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Nội dung chi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: Mức chi căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 11. Chi hỗ trợ xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ

1. Chi đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ từ nguồn vốn sự nghiệp: Tổng mức đầu tư căn cứ số lượng mộ trong nghĩa trang liệt sĩ và nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu, căn cứ địa cách mạng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ LĐTBXH về chủ trương đầu tư, quy hoạch, quy mô, mức vốn đầu tư, thời gian thực hiện dự án.

2. Chi xây mới, nâng cấp vỏ mộ, bia (không gắn liền với dự án công trình xây dựng, nâng cấp nghĩa trang) thực hiện theo quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền nhưng tối đa không quá 7 triệu đồng/mộ đối với xây mới vỏ mộ (cả bia); sửa chữa, nâng cấp vỏ mộ (cả bia), mức hỗ trợ tối đa 70% mức xây mới vỏ mộ.

3. Chi hỗ trợ địa phương trong việc xây dựng đài tưởng niệm liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, nhà bia ghi tên liệt sĩ như sau:

a) Đối với địa phương được ngân sách trung ương bổ sung cân đối, mức hỗ trợ tối đa 70% tổng giá trị công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 10 tỷ đồng/công trình cấp tỉnh; 04 tỷ đồng/công trình cấp huyện; 0,5 tỷ đồng/công trình cấp xã. Đối với công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mức hỗ trợ tối đa 50% mức hỗ trợ xây dựng mới;

b) Đối với địa phương tự cân đối ngân sách, bố trí từ ngân sách địa phương;

c) Hằng năm, căn cứ dự toán được giao và hướng dẫn của Bộ LĐTBXH, Sở LĐTBXH chủ trì lập phương án phân bổ kinh phí để thực hiện nội dung tại điểm a Khoản này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt; đồng thời báo cáo Bộ LĐTBXH để tổng hợp, theo dõi (bao gồm cả kinh phí xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình ghi công liệt sĩ từ nguồn ngân sách địa phương).

Điều 12. Chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ

1. Thân nhân liệt sĩ (không quá ba người) hoặc người thờ cúng liệt sĩ được cơ quan LĐTBXH cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ trong nước được hỗ trợ một lần tiền tàu xe và tiền ăn (bao gồm cả lượt đi và về), mỗi năm một lần đối với một liệt sĩ. Mức hỗ trợ theo đơn giá 2.000 đồng/km nhân với khoảng cách từ nơi cấp giấy giới thiệu đến nghĩa trang có mộ liệt sĩ hoặc địa phương nơi liệt sĩ hy sinh nhưng tối đa không quá 2.400.000 đồng/người;

Ví dụ: Gia đình Bà Lê Thị Bé là thân nhân của 01 liệt sĩ được cơ quan LĐTBXH cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ. Gia đình Bà Lê Thị Bé được hỗ trợ một lần tiền ăn và tiền tàu xe tối đa 03 người. Khoảng cách từ nơi cấp giấy giới thiệu đến nghĩa trang có mộ liệt sĩ hoặc địa phương nơi liệt sĩ hy sinh là 900 km. Gia đình Bà Lê Thị Bé được hỗ trợ một lần tiền ăn và tiền tàu xe cho cả lượt đi và về là 5.400.000 đồng ((2.000 đồng x 900 km) x 3 người = 5.400.000 đồng).

2. Quy trình, thủ tục hỗ trợ đi thăm viếng mộ liệt sĩ thực hiện theo quy định của Bộ LĐTBXH.

Điều 13. Chi hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ

1. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người được thân nhân liệt sĩ uỷ quyền hoặc người thờ cúng liệt sĩ (không quá ba người), mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này;

b) Hỗ trợ kinh phí cất bốc và di chuyển một bộ hài cốt liệt sĩ: Mức chi 4.000.000 đồng;

c) Đối với hài cốt liệt sĩ mà thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ có nguyện vọng giữ lại xây cất phần mộ tại nghĩa trang dòng họ do gia đình quản lý (không đưa vào nghĩa trang liệt sĩ): Hỗ trợ theo quy định tại điểm a và b khoản

này và hỗ trợ tiền xây vỏ mộ liệt sĩ theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.

2. Quy trình, thủ tục hỗ trợ và di chuyển hài cốt liệt sĩ thực hiện theo quy định của Bộ LĐTBXH.

Điều 14. Chi phí quản lý

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả do ngân sách trung ương đảm bảo bố trí trong dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng hằng năm. Bộ LĐTBXH có trách nhiệm phân bổ kinh phí quản lý phù hợp với đặc thù của từng địa phương và hướng dẫn các cơ quan LĐTBXH địa phương quản lý, sử dụng, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của toàn ngành, trong đó chi phí phục vụ chi trả đến người thụ hưởng tối đa là 50% chi phí quản lý toàn ngành. Tỷ lệ phí chi trả cụ thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quyết định.

2. Nội dung và mức chi phí quản lý:

a) Chi phổ biến chính sách ưu đãi người có công với cách mạng: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

b) Chi thông tin, tuyên truyền về chính sách ưu đãi người có công, công tác quản lý, chăm sóc người có công: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

c) Chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính, quản lý hồ sơ, đối tượng, chi trả chế độ ưu đãi, công tác mộ liệt sĩ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

d) Chi văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo, mua sách, tài liệu phục vụ cho công tác quản lý: Mức chi thanh toán theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Chi phí chuyển tiền vào tài khoản của người thụ hưởng, làm thẻ ATM cho người thụ hưởng có yêu cầu thanh toán qua ngân hàng; chi phí vận chuyển tiền mặt, thuê địa điểm chi trả, lực lượng bảo vệ, nước uống cho người thụ hưởng tại các điểm chi trả: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) và trong phạm vi dự toán được giao;

e) Chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (đối với trường hợp cơ quan LĐTBXH thực hiện chi trả): Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp do Giám đốc Sở LĐTBXH quyết định phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và hướng dẫn của Bộ LĐTBXH;

g) Chi thuê tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người thụ hưởng:

- Cơ quan LĐTBXH căn cứ số tiền mà tổ chức dịch vụ chi trả cho người thụ hưởng, thực hiện chuyển chi phí chi trả vào tài khoản của tổ chức dịch vụ chi trả tương ứng mức chi phí chi trả theo tỷ lệ % trên số tiền chi trả do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quyết định;

- Tổ chức thực hiện chi trả tự quyết định và chịu trách nhiệm về chi phí cho việc: Mua sắm két sắt, máy đếm tiền, bao gói đựng tiền, máy phát số thứ tự (nếu có); thuê phương tiện vận chuyển tiền, địa điểm chi trả, lực lượng bảo vệ; chi phí chuyển tiền, phí rút tiền mặt, phí dịch vụ chuyển tiền vào tài khoản của người thụ hưởng; chi phí làm thẻ ATM cho người thụ hưởng có yêu cầu thanh toán qua ngân hàng; thù lao cho việc chi trả; chi nước uống tại các điểm chi trả và quản lý người thụ hưởng trên địa bàn; chi phí khác;

h) Chi xét duyệt, thẩm định, điều chỉnh hồ sơ người có công: Mức hỗ trợ tối đa 50.000 đồng/hồ sơ. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và dự toán được giao, Giám đốc Sở LĐTBXH quyết định cụ thể mức hỗ trợ và phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị tham gia xét duyệt, thẩm định, điều chỉnh hồ sơ;

i) Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm về tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC);

k) Chi hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra; lập dự toán, xét duyệt, thẩm định quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công; chi công tác phí thẩm định, thực chứng, giải quyết hồ sơ người có công: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

l) Chi làm đêm, thêm giờ theo quy định của Bộ luật lao động và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức;

m) Chi xăng dầu, thông tin liên lạc phục vụ công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công: Mức chi thực hiện theo hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (trong trường hợp giao khoán công việc và thuê dịch vụ);

n) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác chi trả và quản lý đối tượng, quản lý kinh phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

o) Chi phí giám định tài liệu kỹ thuật hình sự hồ sơ người có công: Mức chi theo hóa đơn của cơ sở giám định;

p) Chi thuê mướn, hợp đồng giao khoán công việc và chi khác phục vụ công tác quản lý: Mức chi thực hiện theo hợp đồng, giấy biên nhận hoặc hóa đơn (trong trường hợp giao khoán công việc và thuê dịch vụ);

q) Chi đón tiếp người có công với cách mạng. Mức chi theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Chi công tác quản lý tại Trung ương theo các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này được phân bổ, sử dụng và quyết toán trong chi thường xuyên hàng năm của Bộ LĐTBXH.

4. Đối với chi phí quản lý thực hiện các chính sách, chế độ trợ cấp một lần đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến theo các Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, số 142/2008/QĐ-TTg, số 53/2010/QĐ-TTg, số 62/2011/QĐ-TTg và số 57/2013/QĐ-TTg:

Thực hiện theo hướng dẫn tại các Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của liên Bộ Quốc phòng - Bộ LĐTBXH - Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Quốc phòng - Bộ LĐTBXH - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; số 05/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 8 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Công an, Bộ LĐTBXH và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ LĐTBXH và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg; số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của liên Bộ LĐTBXH, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg và số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Bộ LĐTBXH và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg.

Điều 15. Chi trả chế độ cho người thụ hưởng thông qua tổ chức dịch vụ chi trả

1. Việc lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả có kinh nghiệm, có mạng lưới điểm giao dịch tại xã, phường, thị trấn, có thể đảm nhiệm việc chi trả tại nhà cho một số đối tượng đặc thù, bảo đảm kịp thời và an toàn trong việc chi trả theo quy định của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2. Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa cơ quan LĐTBXH (Sở LĐTBXH hoặc Phòng LĐTBXH tùy theo phân cấp của từng địa phương) và tổ chức dịch vụ chi trả, trong đó phải ghi rõ phạm vi đối tượng chi trả, phương thức chi trả (gồm chi trả trực tiếp bằng tiền mặt, chi trả qua thẻ ATM), phương thức chuyển tiền và thời hạn chuyển tiền, thời hạn chi trả đến người thụ hưởng, mức chi phí chi trả, thời hạn thanh quyết toán, quyền và trách nhiệm của các bên, thoả thuận khác có liên quan đến việc chi trả.

3. Trước ngày 25 hằng tháng, cơ quan LĐTBXH căn cứ danh sách đối tượng thụ hưởng (bao gồm đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng tăng, giảm; đối tượng hưởng trợ cấp một lần); số kinh phí chi trả tháng sau (bao gồm cả tiền truy lĩnh và mai táng phí của đối tượng); số kinh phí còn lại chưa chi trả tháng trước (nếu có) thực hiện rút dự toán tại KBNN và chuyển vào tài khoản tiền gửi

của tổ chức dịch vụ chi trả; đồng thời chuyển danh sách chi trả để tổ chức dịch vụ chi trả cho đối tượng thụ hưởng tháng sau. Trong thời gian chi trả, cơ quan LĐTBXH có trách nhiệm cử người giám sát việc chi trả của tổ chức thực hiện chi trả.

4. Hằng tháng, tổ chức dịch vụ chi trả tổng hợp, báo cáo danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả; danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau, số kinh phí còn lại chưa chi trả và chuyển chứng từ (danh sách đã ký nhận và chứng từ chuyển khoản ngân hàng) cho cơ quan LĐTBXH trước ngày 20 hằng tháng. Cơ quan LĐTBXH tổng hợp quyết toán kinh phí chi trả theo quy định.

Chương III
LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỔ DỰ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN

Điều 16. Lập dự toán

1. Dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được lập chi tiết theo từng loại trợ cấp hằng tháng, trợ cấp một lần, chi thực hiện các chế độ, chính sách, chi phí quản lý theo quy định tại Chương II Thông tư này.

2. Việc lập dự toán kinh phí hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn cụ thể quy trình và trình tự thời gian lập dự toán như sau:

a) Phòng LĐTBXH và cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trực thuộc Sở LĐTBXH lập dự toán của năm kế hoạch gửi Sở LĐTBXH trước ngày 20 tháng 6 hằng năm;

b) Sở LĐTBXH lập dự toán phần chi tại Sở LĐTBXH thực hiện, xem xét dự toán của các Phòng LĐTBXH, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; tổng hợp dự toán của toàn tỉnh, thành phố gửi Bộ LĐTBXH trước ngày 05 tháng 7 hằng năm;

c) Bộ LĐTBXH xem xét dự toán của các Sở LĐTBXH; tổng hợp dự toán của cả nước gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm;

d) Bộ Tài chính xem xét và tổng hợp dự toán kinh phí chi ưu đãi người có công với cách mạng vào dự toán chi ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao dự toán cho Bộ LĐTBXH trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

Điều 17. Phân bổ, giao dự toán

1. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính giao dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cho Bộ LĐTBXH.

2. Căn cứ dự toán được giao, Bộ LĐTBXH phân bổ và giao dự toán cho các Sở LĐTBXH chi tiết nhiệm vụ chi trước ngày 25 tháng 12 năm trước; đồng thời uỷ quyền cho các Sở LĐTBXH phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách (Phòng LĐTBXH, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và kinh phí chi tại Sở LĐTBXH) trước ngày 31 tháng 12 năm

trước; gửi Bộ Tài chính (kèm theo thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ), đồng thời gửi KBNN nơi giao dịch để thực hiện.

3. Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra dự toán Bộ LĐTBXH đã giao cho các Sở LĐTBXH chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của Bộ LĐTBXH. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết từng nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định, hồ sơ thuyết minh không đầy đủ thì yêu cầu Bộ LĐTBXH điều chỉnh lại, bổ sung hồ sơ. Thời gian Bộ LĐTBXH điều chỉnh, bổ sung hồ sơ chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 18. Điều chỉnh dự toán

1. Điều chỉnh dự toán trong phạm vi nội bộ cấp tỉnh

Giám đốc Sở LĐTBXH quyết định việc điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các đơn vị sử dụng ngân sách (Phòng LĐTBXH, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng) và phần kinh phí chi tại Sở trong phạm vi dự toán đã được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH giao. Sở LĐTBXH xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan để quyết định điều chỉnh dự toán. Quyết định điều chỉnh dự toán được gửi đến đơn vị sử dụng ngân sách, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

2. Điều chỉnh dự toán giữa các tỉnh trong phạm vi cả nước

Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quyết định điều chỉnh dự toán giữa các Sở LĐTBXH trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao. Bộ LĐTBXH xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan để quyết định điều chỉnh dự toán. Quyết định điều chỉnh dự toán được gửi đến Sở LĐTBXH, KBNN cấp tỉnh có liên quan để thực hiện và gửi Bộ Tài chính để kiểm tra và phê duyệt trên hệ thống TABMIS.

3. Việc điều chỉnh dự toán trong nội bộ tỉnh, giữa các tỉnh phải bảo đảm trong phạm vi tổng mức dự toán và chi tiết từng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành. Trường hợp điều chỉnh nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao nhưng đã được ghi chú kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ LĐTBXH cần phải có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính để đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thời hạn Bộ LĐTBXH gửi Bộ Tài chính đề nghị điều chỉnh dự toán chậm nhất trước ngày 31/10 hằng năm.

Điều 19. Hạch toán, quyết toán kinh phí

1. Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được hạch toán và quyết toán vào Chương của Bộ LĐTBXH (mã số 024); cấp Chương ngân sách trung ương (mã số 01), loại 370 khoản 371. Đối với chi đóng

bảo hiểm y tế, hạch toán loại 130 khoản 133 của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đối với khoản chi hỗ trợ cho các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ và mộ liệt sĩ: Việc quyết toán căn cứ quyết định đầu tư, quyết định phân bổ (hỗ trợ vốn) của cấp có thẩm quyền theo phân cấp của địa phương, chứng từ chuyển tiền của cơ quan LĐTBXH cho chủ đầu tư, cơ quan LĐTBXH quyết toán và hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, trong đó ghi rõ phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương; gửi văn bản phê duyệt quyết toán cho cơ quan LĐTBXH để làm căn cứ quyết toán kinh phí.

3. Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được thực hiện theo quy định hiện hành về hướng dẫn chế độ kế toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

4. Việc xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm thực hiện theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn cụ thể quy trình và trình tự thời gian gửi báo cáo quyết toán năm như sau:

a) Phòng LĐTBXH và cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng lập báo cáo quyết toán theo quy định gửi Sở LĐTBXH trước ngày 30 tháng 4 hàng năm;

b) Sở LĐTBXH xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho các Phòng LĐTBXH, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và phần kinh phí chi tại Sở; tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng của tỉnh (kèm theo thông báo xét duyệt quyết toán cho các đơn vị trực thuộc, các mẫu biểu báo cáo quyết toán theo quy định và giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (nếu có)) gửi Bộ LĐTBXH trước ngày 05 tháng 7 hàng năm;

c) Bộ LĐTBXH thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán cho các Sở LĐTBXH; tổng hợp báo cáo quyết toán theo kết quả thẩm định gửi Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 10 hằng năm;

d) Bộ Tài chính thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cho Bộ LĐTBXH và tổng hợp vào quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 20. Xử lý kinh phí cuối năm

1. Việc xử lý số dư kinh phí chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành LĐTBXH quản lý cuối năm thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thời hạn chi, tạm ứng và hạch toán các khoản chi ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

Điều 21. Truy thu, truy lĩnh đối với các trường hợp hưởng sai chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

1. Truy thu

a) Trường hợp đúng đối tượng được hưởng nhưng phải điều chỉnh giảm mức trợ cấp thì đối tượng phải nộp trả ngân sách trung ương phần chênh lệch đã hưởng mức trợ cấp cao hơn mức trợ cấp được điều chỉnh theo quyết định điều chỉnh mức trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trường hợp đối tượng lợi dụng chính sách của Nhà nước để được hưởng chế độ không đúng quy định thì đối tượng phải nộp trả ngân sách trung ương toàn bộ số tiền đã được hưởng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Cơ quan LĐTBXH chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc thu hồi, xử lý các khoản trợ cấp của đối tượng đã hưởng không đúng quy định theo quyết định của cấp có thẩm quyền vào ngân sách trung ương; báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo quyết toán hằng năm của cơ quan gửi Bộ LĐTBXH tổng hợp, gửi Bộ Tài chính.

2. Truy lĩnh

a) Trường hợp đối tượng chưa được hưởng hoặc chưa được hưởng đầy đủ mức trợ cấp thì được truy lĩnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Cơ quan LĐTBXH thực hiện chi trả một lần cho đối tượng vào tháng liền sau với tháng ghi trong quyết định điều chỉnh mức trợ cấp;

b) Kinh phí thực hiện truy lĩnh trợ cấp từ nguồn kinh phí thực hiện chính chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Trường hợp dự toán được giao không đảm bảo để thực hiện chi trả, cơ quan LĐTBXH có văn bản đề nghị bổ sung dự toán gửi Bộ LĐTBXH tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Thông tư liên tịch số 47/2009/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 11 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan LĐTBXH chịu trách nhiệm quản lý nguồn kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và tổ chức thực hiện chi trả kịp thời, đúng chế độ, đúng đối tượng theo quy định.

2. KBNN có trách nhiệm thanh toán kịp thời kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng cho cơ quan LĐTBXH trên cơ sở đề nghị của Cơ quan LĐTBXH và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với các khoản lĩnh trùng, cấp trùng, chi sai chế độ: cơ quan LĐTBXH phối hợp với KBNN nơi đơn vị giao dịch thực hiện thu hồi, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Việc mua sắm tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, xây dựng.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
-Sở LĐTBXH, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (450 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Phụ lục

MỨC TIỀN CẤP MUA PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP, DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH, VẬT PHẨM PHỤ VÀ VẬT DỤNG KHÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 101 /2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

Số TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Niên hạn cấp	Mức cấp (đồng)
1	Tay giả tháo khớp vai	03 năm	3.100.000
2	Tay giả trên khuỷu	03 năm	3.380.000
3	Tay giả dưới khuỷu	03 năm	2.220.000
4	Chân tháo khớp hông	03 năm	5.880.000
5	Chân giả trên gối	02 năm	3.800.000
6	Nhóm chân giả tháo khớp gối	03 năm	4.340.000
7	Chân giả dưới gối có bao da đùi	02 năm	3.600.000
8	Chân giả dưới gối có dây đeo số 8	02 năm	3.400.000
9	Chân giả tháo khớp cổ chân	03 năm	2.260.000
10	Nhóm nẹp Ụ ngồi-Đai hông	03 năm	4.870.000
11	Nẹp đùi	03 năm	2.750.000
12	Nẹp cẳng chân	03 năm	1.630.000
13	Nhóm máng nhựa chân và tay	05 năm	3.350000
14	Giầy chỉnh hình	01 năm	1.450.000
15	Dép chỉnh hình	01 năm	850.000
16	Áo chỉnh hình	05 năm	3.120.000
17	Xe lắc tay	04 năm	4.550.000
18	Xe lăn tay	04 năm	2.500.000
19	Nạng cho người bị cứng khớp gối	01 năm	200.000
20	Máy trợ thính	01 năm	450.000
21	Răng giả	05 năm	1.110.000
22	Hàm giả	05 năm	4.450.000
23	Vật phẩm phụ:		
	- Người được cấp chân giả	01 năm	200.000
	- Người được cấp tay giả	01 năm	100.000
	- Người được cấp nạng	01 năm	100.000
	- Người được lắp mắt giả	01 năm	200.000
	- Người được cấp áo chỉnh hình	01 năm	200.000
24	Bảo trì phương tiện đối với trường hợp được cấp tiền mua xe lăn, xe lắc	01 năm	350.000
25	Kính râm và gậy dò đường	01 năm	150.000
26	Đồ dùng phục vụ sinh hoạt	01 năm	1.150.000